

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 356/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Công bố Danh mục **01** thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành thuộc thẩm quyền cấp tỉnh và chuẩn hóa Danh mục **62** TTHC lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường, trong đó: 41 TTHC thuộc thẩm quyền cấp tỉnh; 20 TTHC thuộc thẩm quyền cấp huyện; 01 TTHC thuộc thẩm quyền cấp xã.

2. Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai, trong đó có các quy trình liên thông UBND tỉnh; quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; quy trình thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, xã.

(có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai tại Mục XVII, Phần A; Mục XII, Phần B; Mục VI, Phần C Phụ lục I kèm theo Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2533/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện công khai Danh mục và nội dung TTHC được công bố kèm theo Quyết định này; xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Như Điều 4;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC (Hương).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Hồng Minh

PHỤ LỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số : /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. DANH MỤC THỦ TỤC HANH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện, cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI : 01 thủ tục				
1	Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất	23 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	Không quy định	(1) Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; (2) Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất; (3) Nghị định số 75/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện

					dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA : 41 TTHC				
1	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao Mã TTHC: 1.012752	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số

				hữu tài sản gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần	135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao Mã TTHC: 1.012755	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² - dưới 5000 m ² : 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² - dưới 10.000 m ² : 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² - dưới 300.000 m ² : 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² - dưới 500.000 m ² : 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m ² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về

				hữu tài sản gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần	quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
3	Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất Mã TTHC: 1.012757	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023. - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội

				hữu tài sản gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần	dụng tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
4	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước Mã TTHC: 1.012758	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm

				+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần	theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
5	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước Mã TTHC: 1.012759	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² - dưới 5000 m ² : 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² - dưới 10.000 m ² : 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² - dưới 300.000 m ² : 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² - dưới 500.000 m ² : 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m ² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm

				+ Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy. + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/hồ sơ; + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/hồ sơ; + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;	theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
6	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài Mã TTHC: 1.012760	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;

				quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy. + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/hồ sơ; + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/hồ sơ; + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;	- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
7	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài Mã TTHC: 1.012761	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân

		kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn		từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;	tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
8	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao Mã TTHC: 1.012762	- 10 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 15 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

		hội đặc biệt khó khăn			
9	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao Mã TTHC: 1.012763	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng - Lệ phí địa chính: + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/hồ sơ; + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/hồ sơ; + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí

					thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
10	Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án Mã TTHC: 1.012764	- 17 ngày trong đó: + Thời gian UBND tỉnh giao cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh là 02 ngày; + Thời gian cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thẩm định và có văn bản thẩm định là 12 ngày; + Thời gian UBND tỉnh xem xét và có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn quyền sử dụng đất để thực hiện dự án gửi tổ chức kinh tế	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

		có văn bản đề nghị là 03 ngày. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
11	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất Mã TTHC: 1.012753	- 15 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định : + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - dưới 5000 m²: 2.110.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - dưới 10.000 m²: 3.170.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 5.290.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - dưới 300.000 m²: 6.900.000 đồng/hồ sơ; + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - dưới 500.000 m²: 8.050.000 đồng/hồ sơ;	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết

				+ Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng/hồ sơ; - Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất: 100.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ;	định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
12	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài Mã TTHC: 1.012754	- 15 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (toàn trình) hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

				có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	- Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
13	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý Mã TTHC: 1.012756	- Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu 15 ngày làm việc - Trường hợp đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu 17 ngày (trong đó đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (toàn trình) hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên

		đất lần đầu là 15 ngày làm việc; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu là 02 ngày làm việc) - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc			và Môi trường.
14	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền	- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng - 7 ngày làm việc đối với các	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy

	với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Mã TTHC: 1.012765	trường hợp còn lại. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	UBND cấp huyện - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần * Cá nhân:	chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	---	--	--	---	--

				1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
--	--	--	--	--	--

15	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm Mã TTHC: 1.012820	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền
----	--	---	--	---	--

				cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy	quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	--	--	---	---------------------------

				(trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần	
16	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Mã TTHC: 1.012766	- 03 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức 1. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền

				nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành	quyết định của HĐND tỉnh.
17	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên Mã TTHC: 1.012768	- 05 ngày làm việc với trường hợp đổi tên; thay đổi thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề - 07 ngày làm việc đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần * Cá nhân: Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các

		có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc		nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành	khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
18	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký Mã TTHC: 1.012769	- 07 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận - 05 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức 1. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các

		kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc		nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
19	Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức Mã TTHC: 1.012770	- 06 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² – dưới 300.000 m ² : 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² – dưới 500.000 m ² : 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m ² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn,

				+ Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần	giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
20	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp	- 06 ngày làm việc đối với trường hợp thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc theo kết quả hòa giải thành về tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai hoặc do xử lý tài sản	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống

	luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài Mã TTHC: 1.012772	thế chấp – 12 ngày làm việc đối Trường hợp thay đổi về quyền sử dụng đất xây dựng công trình – 07 ngày làm việc đối với trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	+ Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận	thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	---	---	--	---

				biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
--	--	--	--	---	--

21	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Mã TTHC: 1.012793	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	–* Tổ chức: 1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m2: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m2 – dưới 5000 m2: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m2 – dưới 10.000 m2: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m2 - dưới 100.000 m2: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m2 – dưới 300.000 m2: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m2 – dưới 500.000 m2: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m2 trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
----	--	---	---	---	--

				hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính : 30.000 đồng/lần	
22	Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu Mã TTHC: 1.012794	- 05 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết

				hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần	định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
23	Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ Mã TTHC: 1.012795	- Thực hiện trong ngày làm việc - Nếu thời điểm nhận đủ hồ sơ sau 15 giờ cùng ngày thì có thể giải quyết việc xóa nợ trong ngày làm việc tiếp theo. - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu	* Tổ chức: - Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. * Cá nhân: 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày

		có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	chính công ích	+ Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
24	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền Mã TTHC: 1.012815	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính

				+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000đồng. 2. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí:	trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	--	--	---	--

				- Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
25	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 Mã TTHC: 1.012813	- 15 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi

		việc			trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
26	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với Giấy chứng nhận đã cấp Mã TTHC: 1.012781	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000đồng. 2. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm

			+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần	theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	--	--	--

				+ Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
27	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận Mã TTHC: 1.012782	- 15 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội

				đồng đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
28	Cấp đổi Giấy chứng nhận Mã TTHC: 1.012783	- 05 ngày làm việc đối với các trường hợp cấp đổi không thay đổi kích thước, diện tích, số hiệu thửa đất đo đạc - 07 ngày làm việc đối với trường hợp có thay đổi kích thước, diện tích, số hiệu thửa đất đo đạc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000đồng. 2. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi,	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;

		được tăng thêm 10 ngày làm việc		xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến	- Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	---------------------------------	--	---	---

				động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
29	Tách thửa hoặc hợp thửa đất Mã TTHC: 1.012784	- 12 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 05 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức 1. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

				+ Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
30	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất Mã TTHC: 1.012786	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức 1. Phí thẩm định + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² – dưới 300.000 m ² : 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² – dưới 500.000 m ² : 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m ² trở lên: 5.290.000 đồng. 2. Lệ phí: + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết

				cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến	định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	--	--	--	--

				đồng đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
31	Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản Mã TTHC: 1.012788	1. Đối với trường hợp bên nhận chuyển nhượng không phải là tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài: - 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc. 2. Đối với trường hợp bên nhận chuyển nhượng là tổ	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	- Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - 5000 m²: 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - 10.000 m²: 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - 100.000 m²: 5.290.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng. - Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 400.000	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân

		chức có vốn đầu tư nước ngoài: - 15 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.		đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.	tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
32	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp Mã TTHC: 1.012790	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức - Lệ phí địa chính: - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần. * Cá nhân: + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi

					trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
33	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi Mã TTHC: 1.012791	1. Thời gian thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận là 18 ngày làm việc. 2. Thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận do thu hồi trong từng trường hợp cụ thể là: - 15 ngày làm việc với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu - 11 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do đăng ký biến động thay đổi về quyền sử dụng đất xây	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

		dụng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; - 07 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do đăng ký biến động chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp không theo phương án dồn điền, đổi thửa hoặc trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn			
--	--	--	--	--	--

		liên với đất được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên hộ gia đình, cá nhân thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; chuyển mục đích không phải xin phép cơ quan có thẩm quyền; - 06 ngày làm			
--	--	---	--	--	--

		việc đổi với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình tổ chức hoặc sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng hoặc của nhóm người sử dụng đất chung, nhóm chủ sở hữu tài sản chung gắn liền với đất; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp; hạn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả hòa giải			
--	--	---	--	--	--

		thành về tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai; - 04 ngày làm việc với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do đăng ký biến động cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; theo quy hoạch xây dựng chi tiết hoặc điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; - 03 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do đăng ký biến động xóa đăng ký cho thuê, cho thuê			
--	--	---	--	--	--

		lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng; - 01 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do đăng ký biến động xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ thì thời gian giải quyết là trong ngày làm việc nhận được đủ hồ sơ xóa nợ; - 07 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do cấp đổi Giấy chứng nhận; - 12 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do tách, hợp thửa; - 07 ngày làm việc đối với trường hợp thu			
--	--	---	--	--	--

		hồi Giấy chứng nhận cấp lại do bị mất; - 07 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng, hạng mục công trình xây dựng trong dự án bất động sản; - 15 ngày làm việc đối với trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận do xác định lại diện tích đất ở; - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng			
--	--	--	--	--	--

		có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.			
34	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2024 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định Mã TTHC: 1.012785	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Đối với tổ chức: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Đối với cá nhân: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư - Phí thẩm định: Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Lệ phí địa chính: Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản,	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các

				số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố 2. Đối với tổ chức - Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng - Lệ phí địa chính: + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/hồ sơ; + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/hồ sơ;	khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	--	--	---	---

				+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/hồ sơ + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000đồng/giấy.	
35	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản Mã TTHC: 1.012787	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	* Tổ chức: 1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 1.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² - 5000 m ² : 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² - 10.000 m ² : 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - 100.000 m ² : 5.290.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² - 300.000 m ² : 6.900.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² - 500.000 m ² : 8.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND

			từ 500.000 m2 trở lên: 8.600.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần. * Cá nhân: 1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận	ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	--	---	---

				biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/lần + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000 đồng/lần + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
36	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai Mã TTHC: 1.012789	- Thực hiện trong ngày làm việc đối với dữ liệu có sẵn, Trường hợp nhận được yêu cầu sau 15 giờ thì cung cấp vào ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực	1. Lệ phí: Thực hiện theo Khoản 15 phụ lục số 01 Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh Sơn La Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày

		tiếp theo; - 03 ngày làm việc đối với trường hợp dữ liệu không có sẵn - 13 ngày làm việc đối với trường hợp dữ liệu cần xem xét, tìm kiếm, tập hợp, tổng hợp, phân tích hoặc lấy ý kiến của cơ quan đơn vị có liên quan	tiếp, trực tuyến (toàn trình) hoặc qua bưu chính công ích	định của HĐND tỉnh.	29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
37	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao Mã TTHC: 1.012792	- 15 ngày - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m ² : 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m ² – dưới 5000 m ² : 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m ² – dưới 10.000 m ² : 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m ² - dưới 100.000 m ² : 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m ² – dưới 300.000 m ² : 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m ² – dưới	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024. - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức

				500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. - Lệ phí: + Chứng nhận đăng ký biên động đất đai: 30.000 đồng. + Trích lục bản đồ, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng; + Chứng nhận đăng ký biên động về đất đai: 30.000 đồng.	năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
38	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao Mã TTHC: 1.012802	- 15 ngày - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 520.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² – dưới 5000 m²: 1.050.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² – dưới 10.000 m²: 1.580.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - dưới 100.000 m²: 2.640.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² – dưới 300.000 m²: 3.700.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên

				từ 300.000 m² – dưới 500.000 m²: 4.760.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 5.290.000 đồng. - Lệ phí: + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 30.000 đồng. + Trích lục bản đồ, văn bản, số hiệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng; + Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 30.000 đồng.	và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
39	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức Mã TTHC: 1.012803	- 11 ngày đối với trường hợp chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích - 7 ngày làm việc đối với trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất đa mục đích - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 1000 m² - 5000 m²: 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - 10.000 m²: 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - 100.000 m²: 5.290.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức

		có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.		+ Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp. + Chứng nhận đăng ký biên động đất đai : 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.	năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
40	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất Mã TTHC: 1.012821	- 28 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, hải đảo, vùng sâu,	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung	1. Phí thẩm định: + Dự án có quy mô diện tích dưới 1000 m²: 1.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số

		vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	từ 1000 m² - 5000 m²: 2.110.000 đồng. + Dự án có quy mô diện tích từ 5.000 m² - 10.000 m²: 3.170.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 10.000 m² - 100.000 m²: 5.290.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 100.000 m² - 300.000 m²: 6.900.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 300.000 m² - 500.000 m²: 8.050.000 đồng + Dự án có quy mô diện tích từ 500.000 m² trở lên: 8.600.000 đồng. 2. Lệ phí: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất : 400.000 đồng/giấy + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy. + Trường hợp cấp lại (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận), cấp đổi, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 40.000 đồng/lần cấp.	27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	---	--	---	---

				+ Chứng nhận đăng ký biến động đất đai : 30.000 đồng/lần. + Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số hiệu, hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.	
41	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Mã TTHC: 1.012805	- 45 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Trụ Sở tiếp công dân tỉnh - Nộp đơn qua bưu chính công ích, trực tuyến hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở tiếp công dân	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Lĩnh vực đất đai: 20 thủ tục				
	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân Mã TTHC: 1.012771	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày

				khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
2	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân Mã TTHC: 1.012773	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản

				- Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
3	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân Mã TTHC: 1.012774	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn:	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

				không quá 50% mức thu tại thành phố	
4	Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân Mã TTHC: 1.012775	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

				thu tại thành phố - Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 28.000 đồng/giấy.	
5	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân Mã TTHC: 1.012776	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: - Trường hợp cấp mới Giấy chứng nhận: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị), 150.000 đồng/hồ sơ (khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản)	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

				+ Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
6	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân Mã TTHC: 1.012777	- 10 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 15 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
7	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích,	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành	1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa

	mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân Mã TTHC: 1.012778	giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn:	đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
--	--	--	---	--	--

				không quá 50% mức thu tại thành phố	
8	Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân Mã TTHC: 1.012779	- 15 ngày đối với khu vực không là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn - 25 ngày đối với khu vực là các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

9	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều	70 ngày (Trong đó: - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập Hội đồng xét duyệt giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp đơn xin giao đất; - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất là 08 ngày kể từ ngày xác định được cá nhân đủ điều kiện giao đất; - Thời gian Ủy ban nhân dân cấp huyện giao cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện chủ trì, phối hợp	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
---	---	--	---	---	--

	kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở Mã TTHC: 1.012780	với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định hồ sơ giao đất đối với từng cá nhân là 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Thời hạn Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thiện hồ sơ gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện là 12 ngày kể từ ngày có báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ của cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện. - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện			
--	---	---	--	--	--

		kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.			
10	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất Mã TTHC: 1.012814	- 15 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của

					HĐND tỉnh.
11	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 Mã TTHC: 1.012817	- 15 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có)	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

				tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
12	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất Mã TTHC: 1.012819	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ

				không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
13	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót Mã TTHC: 1.012796	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	Lệ phí địa chính: - Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
14	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử	- Thời gian thực hiện thu hồi Giấy chứng	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa

	dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi Mã TTHC: 1.012818	nhận là 18 ngày làm việc. - Thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận là 15 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích		đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông Mã TTHC: 1.012816	- 07 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm	- UBND xã nơi có đất - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	Không thu phí	- Luật Đất đạisố 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15. - Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày

		10 ngày làm việc.			01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
16	Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư Mã TTHC: 1.012807	- 15 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

				(trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản) + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
17	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất. Mã TTHC: 1.012808	- 05 ngày làm việc - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	Lệ phí địa chính + Cấp đổi Giấy chứng nhận: 20.000 đồng/giấy. + Chứng nhận đăng ký biến động đất đai: 28.000.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/giấy.	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

18	Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư Mã TTHC: 1.012809	- 15 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất kinh doanh: 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 70.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) - Trường hợp chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp sử dụng đất làm nhà ở: 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 50.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn) 2. Lệ phí địa chính: - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thành phố: + Cấp mới: 90.000 đồng/Giấy (trường hợp có tài sản); 25.000 đồng/Giấy (trường hợp không có tài sản) + Xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận: 30.000 đồng/giấy (trường hợp có tài sản); 20.000 đồng/giấy (trường hợp không có tài sản)	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
----	--	--	--	--	---

				+ Trích lục bản đồ, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần - Cá nhân, cộng đồng dân cư tại thị trấn: không quá 50% mức thu tại thành phố	
19	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân Mã TTHC: 1.012810	- 11 ngày đối với trường hợp phê duyệt phương án sử dụng đất kết hợp - 5 ngày đối với trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã - Nộp hồ sơ trực tiếp, trực tuyến (một phần) hoặc qua bưu chính công ích	1. Phí thẩm định: + Trường hợp sử dụng làm nhà ở: 210.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 100.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). + Trường hợp sử dụng đất để kinh doanh: 310.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực đô thị); 150.000 đồng/hồ sơ (đối với khu vực nông thôn). 2. Lệ phí địa chính: + Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: 90.000 đồng/hồ sơ. + Cấp Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy. + Trích lục bản đồ, văn	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Phụ lục số 01, 02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn,

				bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần	giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.
20	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện Mã TTHC: 1.012811	- 33 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	Trụ sở tiếp công dân cấp huyện - Nộp đơn và bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp tại trụ sở tiếp công dân	Không thu phí	- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; - Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện	Phí, Lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực đất đai: 01 thủ tục				
1	Hòa giải tranh chấp đất đai Mã TTHC: 1.012812	- 22 ngày - Đối với các xã miền núi, biên giới; đảo; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian thực hiện được tăng thêm 10 ngày.	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã - Nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích	Không thu phí	-Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; -Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; - Quyết định số 2124/QĐ-BTNMT ngày 01/8/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

PHẦN II.
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

A. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH: 83

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÔNG BỐ MỚI

1. Thủ tục Công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất

- Thời gian giải quyết: 23 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp	UBND tỉnh	Văn bản giao nhiệm vụ	02 ngày
B3	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Văn bản xin ý kiến các Sở, ngành và UBND cấp huyện về việc rà soát, đánh giá điều kiện, tiêu chí của các khu đất được đề xuất thực hiện dự án thí điểm; lập Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B4	Ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	Văn bản xin ý kiến các Sở, ngành và UBND cấp huyện; về việc rà soát, đánh giá điều kiện, tiêu chí của các khu đất được đề xuất thực hiện dự án thí điểm; lập Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự	1/2 ngày

			án thí điểm	
B5	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Tổng hợp ý kiến các Sở, ngành và UBND cấp huyện	04 ngày
B6	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh đánh giá điều kiện, tiêu chí của các khu đất được đề xuất thực hiện dự án thí điểm; lập Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm	3,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B7	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND chấp thuận hoặc không chấp thuận nhận chuyển nhượng thực hiện dự án; Dự thảo Văn bản chấp thuận nhận chuyển nhượng của UBND tỉnh	1/2 ngày
B8	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B9	Liên thông UBND tỉnh			
B9.1	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ký ban hành			3 ngày
B9.2	Thông báo chấp thuận cho tổ chức được thực hiện dự án thí điểm được ban hành trong thời gian không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố Danh mục khu đất dự kiến thực hiện dự án thí điểm.			5 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Thông báo chấp thuận cho tổ chức được thực hiện dự án thí điểm	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				23 ngày

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA

1. Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.

1.1. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày

B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	01 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày

B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

1.2. Đối với trường hợp sử dụng đất thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày

B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Quyết định giao đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	01 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

1.3. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian

				giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	02 ngày

B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	1/2 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	02 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày

B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

2. Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (1.012755)

2.1. Trình tự thực hiện đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất:

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày

B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày

B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	01 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Chuyển thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày

B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

2. 2. Đối với trường hợp sử dụng đất thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất	1/4 ngày

B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	01 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày

B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; Cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

2.3. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày

		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	02 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

3. Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất

3.1. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày

		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	01 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Chuyển thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

3.2. Trường hợp sử dụng đất thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày

B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa	02 ngày

			chính (nếu có)	
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	01 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

3.3. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày

B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày

B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	02 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

4. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước

4.1. Đối với trường hợp hình thức sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Chuyển thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày

B12	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	1/2 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	01 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày

B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

4.2. Đối với trường hợp hình thức sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất là giao đất không thu tiền sử dụng đất:

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	1/2 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày

Tổng thời gian giải quyết:**15 ngày**

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	02 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	1/2 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	01 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất	1/4 ngày
B9	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày

	có)	Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

4.3. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất cụ thể:

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày

		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Hoàn thiện hồ sơ chuyên ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	1/2 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin; Phòng Đất đai và Đo đạc bản đồ	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B11	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	02 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	01 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định giao đất/cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				25 ngày

5. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là tổ chức trong nước

5.1. Đối với trường hợp hình thức sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất:

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa	01 ngày

			chính (nếu có)	
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	1/2 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày

B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	01 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày

B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

5.2. Đối với trường hợp hình thức sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất là giao đất không thu tiền sử dụng đất

a). Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp	1/2 ngày

			thông tin	
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Đất đai và Đo đạc bản đồ	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	1/2 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	02 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	1/2 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	01 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày

B12	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

5.3. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày

B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	1/2 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày

B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	02 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	01 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	01 ngày

B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

6. Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp công lập, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

6.1. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất:

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin, Phòng Quản lý tài nguyên đất	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B4	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày

B5	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B8	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B9	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B10	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B11	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B12	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	01 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B4	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B5	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B6	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B8	Chuyển thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B9	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B10	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày

B12	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

6.2. Đối với trường hợp sử dụng đất thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày

B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày

		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	01 ngày
B6	Chuyển liên thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

6.3. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày

B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	02 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				25 ngày

7. Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là tổ chức trong nước, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

7.1. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ	04 ngày

			trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định.	
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	01 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Chuyển thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày

B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				25 ngày

7.2. Đối với trường hợp sử dụng đất thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B4	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B5	Chuyển liên thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Ý kiến liên thông	1/4 ngày

B6	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B8	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày

B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	01 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				25 ngày

7.3. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa	01 ngày

			chính (nếu có)	
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày

B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/4 ngày

B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	02 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định chuyển hình thức sử dụng đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

8. Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao

8.1. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất:

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 10 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/4 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	1/2 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/4 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/4 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/4 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Chuyển thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	1/2 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/4 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/4 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày

B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				10 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/4 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	1/2 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho	1/4 ngày

		& MT	thuê đất	
B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	1/2 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/4 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/4 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

8.2. Đối với trường hợp sử dụng đất thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 10 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày

B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	1/2 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/4 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/4 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/4 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Duyệt Giấy chứng nhận	1/4 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				10 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

8.3. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 10 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/4 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	1/2 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/4 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/4 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/4 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ

				tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				10 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày

B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

9. Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao

9.1. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất trong bảng giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày

B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/4 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	01 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày

B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	10 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Chuyên thông tin sang cơ quan thuế	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

9.2. Đối với trường hợp sử dụng đất thuộc trường hợp giao đất không thu tiền sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Duyệt Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày

B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	02 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	01 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày

B9	In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

9.3. Đối với trường hợp người sử dụng đất phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tính theo giá đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày

		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có) Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	02 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			04 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	02 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày

B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	02 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

10. Thủ tục Chấp thuận tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp	UBND tỉnh	Văn bản giao nhiệm vụ	02 ngày
B3	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Văn bản xin ý kiến Các Sở, ngành và UBND cấp huyện; Văn bản xin ý kiến các tỉnh, thành phố xác định vi phạm pháp luật về đất đai	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B4	Ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	Văn bản xin ý kiến Các Sở, ngành và UBND cấp huyện; Văn bản xin ý kiến các tỉnh, thành phố xác định vi phạm pháp luật về đất đai	1/2 ngày
B5	Xin ý kiến các Sở, ngành, UBND cấp huyện và Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố			04 ngày

B6	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh chấp thuận nhận chuyển nhượng; Dự thảo Văn bản chấp thuận nhận chuyển nhượng của UBND tỉnh	3,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B7	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND chấp thuận hoặc không chấp thuận nhận chuyển nhượng thực hiện dự án; Dự thảo Văn bản chấp thuận nhận chuyển nhượng của UBND tỉnh	1/2 ngày
B8	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B9	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 27 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp	UBND tỉnh	Văn bản giao nhiệm vụ	02 ngày
B3	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/4 ngày

		Chuyên viên thụ lý	Văn bản xin ý kiến Các Sở, ngành và UBND cấp huyện; Văn bản xin ý kiến các tỉnh, thành phố xác định vi phạm pháp luật về đất đai	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B4	Ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	Văn bản xin ý kiến Các Sở, ngành và UBND cấp huyện; Văn bản xin ý kiến các tỉnh, thành phố xác định vi phạm pháp luật về đất đai	1/2 ngày
B5	Xin ý kiến các Sở, ngành, UBND cấp huyện và Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh, thành phố			09 ngày
B6	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh chấp thuận nhận chuyển nhượng; Dự thảo Văn bản chấp thuận nhận chuyển nhượng của UBND tỉnh	08 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B7	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND chấp thuận hoặc không chấp thuận nhận chuyển nhượng thực hiện dự án; Dự thảo Văn bản chấp thuận nhận chuyển nhượng của UBND tỉnh	1/2 ngày
B8	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B9	Liên thông UBND tỉnh			2,5 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận tổ chức kinh tế được nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				27 ngày

11. Thủ tục Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế sử dụng đất, xác định ranh giới cụ thể; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định hình thức sử dụng đất	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B3	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B4	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B6	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B7	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
B8	Ký duyệt Phiếu chuyển	Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B9	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B10	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày

		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B11	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B12	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế sử dụng đất, xác định ranh giới cụ thể; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định hình thức sử dụng đất	15 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B3	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B4	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày

B6	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định hình thức sử dụng đất	1/4 ngày
B7	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung phiếu chuyển	1/2 ngày
B8	Ký duyệt Phiếu chuyển	Lãnh đạo Sở	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B9	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B10	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B11	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B12	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B13	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

12. Thủ tục Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao

12.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày

B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định gia hạn sử dụng đất	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định gia hạn sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định gia hạn sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính(nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định gia hạn sử dụng đất	15 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định gia hạn sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	1/2 ngày

B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định gia hạn sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

12.2. Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính(nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định gia hạn sử dụng đất	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày

B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định gia hạn sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định gia hạn sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính(nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định	15 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Phôi Giấy chứng nhận hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	01 ngày

		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định gia hạn sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

13. Thủ tục Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao

13.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính(nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	05 ngày

		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất.	1/4 ngày
B9	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng điều chỉnh hợp đồng thuê đất (nếu có); Phôi Giấy chứng nhận hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng điều chỉnh hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng điều chỉnh hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày

B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	15 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất.	1/4 ngày
B9	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng điều chỉnh hợp đồng thuê đất (nếu có); Phôi Giấy chứng nhận hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng điều chỉnh hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập	1/2 ngày
B10	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng điều chỉnh hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

13.2. Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ

				tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày
B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu VPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày

B3	Cung cấp thông tin	Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	15 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	1/4 ngày
B9	Tổ chức xác định và phê duyệt giá đất cụ thể (trình tự riêng)	Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND tỉnh	Quyết định phê duyệt giá đất cụ thể	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B11	Dự thảo Hợp đồng thuê đất; In Giấy chứng nhận	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Phôi Giấy chứng nhận hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	01 ngày
		Giám đốc Sở	Hợp đồng thuê đất; Duyệt Phôi Giấy chứng nhận đã biên tập hoặc nội dung xác nhận trên Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B12	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận	01 ngày

B13	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Văn phòng Đăng ký đất đai	Hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất; Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

14. Thủ tục Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là tổ chức

14.1. Trường hợp chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 11 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Dự thảo văn bản xin ý kiến các Sở, ban, ngành	01 ngày
B3	Ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	Văn bản xin ý kiến các Sở, ban, ngành	1/2 ngày
B4	Liên thông các Sở, ban, ngành			03 ngày
B5	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B6	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B7	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày

B9	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				11 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 21 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Dự thảo văn bản xin ý kiến các Sở, ban, ngành	01 ngày
B3	Ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	Văn bản xin ý kiến các Sở, ban, ngành	1/2 ngày
B4	Liên thông các Sở, ban, ngành			07 ngày
B5	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	07 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B6	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B7	Chuyển liên thông	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phân tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				21 ngày

14.2. Trường hợp chấp thuận gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	2,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B3	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B4	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Văn bản chấp thuận gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				7 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	7,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B3	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B4	Chuyển liên thông	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh			7 ngày
B6	Trả kết quả	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Văn bản chấp thuận gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

15. Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 28 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày

B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Dự thảo Văn bản lấy ý kiến các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B3	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Tờ trình UBND tỉnh; Văn bản lấy ý kiến các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND cấp huyện	1/2 ngày
B4	Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	UBND tỉnh	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	02 ngày
B5	Liên thông thành viên Hội đồng thẩm định			08 ngày
B6	Họp Hội đồng thẩm định			04 ngày
B7	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Thông báo về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ phương án sử dụng đất	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung văn bản	1/2 ngày
B8	Ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	Thông báo về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ phương án sử dụng đất	1/2 ngày
B9	Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ			Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B11	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày

B12	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B13	Liên thông UBND tỉnh			02 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				28 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 38 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý	1/4 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Dự thảo Văn bản lấy ý kiến các Sở, ban, ngành có liên quan, UBND cấp huyện	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B3	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Tờ trình UBND tỉnh; Văn bản lấy ý kiến các Sở, ban, ngành có liên quan; UBND cấp huyện	1/2 ngày
B4	Ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	UBND tỉnh	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	02 ngày
B5	Liên thông thành viên Hội đồng thẩm định			10 ngày
B6	Họp Hội đồng thẩm định			06 ngày

B7	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Thông báo về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ phương án sử dụng đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung văn bản	1/2 ngày
B8	Ký duyệt văn bản	Lãnh đạo Sở	Thông báo về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ phương án sử dụng đất	1/2 ngày
B9	Thời gian chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ			Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B10	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Chuyên viên thụ lý	Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B11	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B12	Chuyển liên thông	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Ý kiến liên thông	1/4 ngày
B13	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B14	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định phê duyệt phương án sử dụng đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				38 ngày

16. Thủ tục Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Thông báo cho người được cấp Giấy chứng nhận đến nộp Giấy chứng nhận gốc (Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện sai sót)	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B2	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B3	Khai thác dữ liệu đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai	Chuyển hồ sơ Giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, Biên bản kết luận về nội dung sai sót, biên tập nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp/in Giấy chứng nhận mới; Dự thảo tờ trình	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Lãnh đạo Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	UBND tỉnh	Xác nhận nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp/in Giấy chứng nhận mới	1/2 ngày
B7	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				7 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Thông báo cho người được cấp Giấy chứng nhận đến nộp Giấy chứng nhận gốc (Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện sai sót)	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Giấy chứng nhận đã cấp	03 ngày
B2	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B3	Khai thác dữ liệu đất đai	Văn phòng Đăng ký đất đai	Chuyển hồ sơ Giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B4	Phòng Quản lý tài nguyên đất	Lãnh đạo Phòng	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, Biên bản kết luận về nội dung sai sót, biên tập nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp/in Giấy chứng nhận mới; Dự thảo tờ trình	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
B5	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	01 ngày
		Lãnh đạo Sở	Tờ trình UBND tỉnh	01 ngày
B6	Ký duyệt	UBND tỉnh	Xác nhận nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp/in Giấy chứng nhận mới	02 ngày

B7	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	03 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

17. Thủ tục Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận lần đầu đối với người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	6 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Tờ trình; Dự thảo quyết định;	1/2 ngày
B7	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt	lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tờ trình; Dự thảo Quyết định	1/2 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh			03 ngày
B9	Tiếp nhận kết quả liên thông, chuyển VPĐK Đất đai	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Xử lý kết quả liên thông	1/4 ngày
B10	Văn phòng ĐK đất đai tiếp nhận; in Giấy chứng nhận (đối với trường hợp có nhu cầu cấp đổi GCN); chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Dự thảo Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	01 ngày
B11	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày

B12	Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/4 ngày
B13	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bản đồ khu đất, Hợp thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B5	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Tờ trình; Dự thảo quyết định	01 ngày
B7	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tờ trình; Dự thảo Quyết định	01 ngày
B8	Liên thông UBND tỉnh			06 ngày
B9	Tiếp nhận kết quả liên thông, chuyển VPĐK Đất đai	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B10	Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận; in Giấy chứng nhận (đối với trường hợp có nhu cầu cấp đổi GCN); chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Tờ trình UBND tỉnh; Dự thảo Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	02 ngày
B11	Ký Giấy chứng nhận	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	1/2 ngày

B12	Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/2 ngày
B13	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Bản đồ khu đất, Hợp thuê đất;	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

18. Thủ tục Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	08 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày

	nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đối người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6			
B6	Ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo, viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Hoàn thiện hồ sơ; Soạn Tờ trình ký Giấy chứng nhận; Biên tập Giấy chứng nhận	01 ngày
B7	Xét duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kết quả xét duyệt hồ sơ, ký Tờ trình	01 ngày
B8	Ký Giấy chứng nhận và chuyển hồ sơ về Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận; Tờ trình đã duyệt	01 ngày
B9	Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận; chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B10	Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B11	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
	Tổng thời gian giải quyết:			15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	14 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo, viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Hoàn thiện hồ sơ; Soạn Tờ trình ký Giấy chứng nhận; Biên tập Giấy chứng nhận	01 ngày
B7	Xét duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kết quả xét duyệt hồ sơ, ký Tờ trình	01 ngày
B8	Ký Giấy chứng nhận và chuyển hồ sơ về Văn phòng Đăng ký đất đai	UBND tỉnh	Giấy chứng nhận; Tờ trình đã duyệt	01 ngày

B9	Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận; chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	03 ngày
B10	Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

19. Thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 18 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Quản lý tài nguyên đất phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, thông báo cho Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận đến Sở Nông nghiệp và Môi trường. Dự thảo Tờ trình, Quyết định thu hồi, Giấy chứng nhận cấp lại	07 ngày

B3	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B4	Liên Thông UBND tỉnh		Ký Quyết định thu hồi; Ký Giấy chứng nhận	04 ngày
B5	Cập nhật, chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại; Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	03 ngày
B6	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				18 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 28 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Phòng Quản lý tài nguyên đất thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đất đai và Đo đạc bản đồ phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày

		Chuyên viên Phòng Quản lý tài nguyên đất	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, thông báo cho Văn phòng Đăng ký đất đai chuyển hồ sơ đã cấp Giấy chứng nhận đến Sở Nông nghiệp và Môi trường. Dự thảo Tờ trình, Quyết định thu hồi, Giấy chứng nhận cấp lại	15 ngày
B3	Phê duyệt tờ trình	Lãnh đạo Khối	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
		Giám đốc Sở	Tờ trình UBND tỉnh	1/2 ngày
B4	Liên Thông UBND tỉnh		Ký Quyết định thu hồi; Ký Giấy chứng nhận	04 ngày
B4	Cập nhật, chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại; Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	04 ngày
B5	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				28 ngày

20. Thủ tục Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời hạn giải quyết: 45 ngày (không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật) kể từ ngày thụ lý đơn.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nộp đơn tại UBND cấp tỉnh	Ban Tiếp công dân cấp tỉnh	Thông báo thụ lý hoặc Thông báo không thụ lý	
B2	Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm tra, xác minh	Ban tiếp công dân tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh	Văn bản giao nhiệm vụ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường giao Thanh tra Sở thực hiện thẩm tra, xác minh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phân công thực hiện xác minh	1/2 ngày
B4	Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm tra, xác minh	Lãnh đạo Thanh tra Sở phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên Thanh tra Sở phụ trách được phân công	Dự thảo Tờ trình, Quyết định giải quyết tranh chấp	28 ngày
		Lãnh đạo Thanh tra Sở	Ý kiến thẩm định (Tờ trình, dự thảo quyết định)	3,5 ngày
B5	Xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	2,5 ngày
B6	Tiếp nhận, chuyển liên thông	Văn thư	Kèm hồ sơ	1/2 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày
B8	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho công dân	Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có quyền	1/2 ngày

			và nghĩa vụ liên quan	
Tổng thời gian giải quyết:				45 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời hạn giải quyết: 55 ngày (không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật) kể từ ngày thụ lý đơn.

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nộp đơn tại UBND cấp tỉnh	Ban Tiếp công dân cấp tỉnh	Thông báo thụ lý hoặc Thông báo không thụ lý	
B2	Chủ tịch UBND tỉnh có văn bản giao Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm tra, xác minh	Ban tiếp công dân tỉnh tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh	Văn bản giao nhiệm vụ cho Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày
B3	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường giao Thanh tra Sở thực hiện thẩm tra, xác minh	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ý kiến phân công thực hiện xác minh	1/2 ngày
B4	Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm tra, xác minh	Lãnh đạo Thanh tra Sở phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên Thanh tra Sở phụ trách được phân công	Dự thảo Tờ trình, Quyết định giải quyết tranh chấp	38 ngày
		Lãnh đạo Thanh tra Sở	Ý kiến thẩm định (Tờ trình, dự thảo quyết định)	3,5 ngày
B5	Xem xét, phê duyệt. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành, chuyển liên thông lên UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt	2,5 ngày
B6	Tiếp nhận, chuyển liên thông	Văn thư	Kèm hồ sơ	1/2 ngày
B7	Liên thông UBND tỉnh			07 ngày

B8	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho công dân	Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành, gửi cho các bên tranh chấp, các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				55 ngày

B. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: 60 quy trình

1. Thủ tục Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản trình lãnh đạo; Kiểm tra hồ sơ, chỉnh lý, xác nhận hồ sơ trình lãnh đạo phê duyệt	12 ngày
B4	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, thẩm định, phê duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt	1/2 ngày
B5	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày

	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh			
B6	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Phiếu xác nhận đã thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao để quản lý	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Dự thảo văn bản trình lãnh đạo; Kiểm tra hồ sơ, chỉnh lý, xác nhận hồ sơ trình lãnh đạo phê duyệt	21 ngày
B4	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, thẩm định, phê duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt	01 ngày

B5	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B6	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Phiếu xác nhận đã thực hiện đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu đối với trường hợp được nhà nước giao để quản lý	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

2. Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại QSD đất trong dự án KDKC hạ tầng: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	03 ngày

B4	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B5	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B7	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/4 ngày
B7	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
B8	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết;				05 ngày

- Đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại QSD đất trong dự án KDKC hạ tầng: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày

B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	05 ngày
B4	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B5	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B7	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/4 ngày
B7	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
B8	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	1/4 ngày
B9	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại QSD đất trong dự án KDKC hạ tầng: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	11 ngày
B4	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B5	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B7	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B7	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày

B8	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

* Đối với trường hợp còn lại: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	13 ngày
B4	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B5	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày

	chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B7			
B7	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B8	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

3. Thủ tục Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế)

a). Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	1/2 ngày

B3	Ký duyệt và gửi tờ trình đến Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định giá đất, hợp đồng thuê đất	Lãnh đạo, viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Tờ trình xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất	1/4 ngày
B4	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký đất đai, xử lý, ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo, công chức Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kết quả xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất; ban hành thông báo việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất, luân chuyển hợp đồng đến Văn phòng Đăng ký đất đai	04 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế sau khi có văn bản xác định giá đất	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/4 ngày
B8	Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận; in Giấy chứng nhận; chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Dự thảo Giấy chứng nhận/ xác nhận nội dung trên Giấy chứng nhận đã cấp; Hợp đồng thuê đất	1/2 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận	1/4 ngày

B10	Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Quyết định; Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Quyết định; Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b). Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Ký duyệt và gửi tờ trình đến Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định giá đất, hợp đồng thuê đất	Lãnh đạo, viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Tờ trình xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất	01 ngày
B4	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký đất đai, xử lý, ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo, công chức Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kết quả xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất; ban hành thông báo việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất, luân chuyển hợp đồng đến Văn phòng Đăng ký đất đai	06 ngày

B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế sau khi có văn bản xác định giá đất	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B8	Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận; in Giấy chứng nhận; chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Dự thảo Giấy chứng nhận/ xác nhận nội dung trên Giấy chứng nhận đã cấp; Hợp đồng thuê đất	03 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B10	Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Quyết định; Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	1/2 ngày
B11	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định; Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

4. Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 03 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	1,5 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	1/4 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				03 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 13 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Văn phòng Đăng ký đất đai (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	02 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra bộ phận một cửa tại trung tâm Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	3/04 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				13 ngày

5. Thủ tục Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên (Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)

5.1. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

-Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	03 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

5.2. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

-Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày

B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	03 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

5.3. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	04 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biên động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b). Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

-Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	13 ngày

		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	01 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

6. Thủ tục Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký (Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)

6.1. Hồ sơ đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	03 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

-Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	09 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày

B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	03 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

6.2. Hồ sơ đăng ký biến động do gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày

		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký biến động đất đai	03 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

7. Thủ tục Đăng ký biến động thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức hoặc chuyển đổi mô hình tổ chức

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 06 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày

B3	Ký duyệt và gửi tờ trình đến Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định giá đất, Hợp đồng thuê đất	Lãnh đạo, viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Tờ trình xác định giá đất, Hợp đồng thuê đất	1/4 ngày
B4	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký đất đai, xử lý, ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo, công chức Sở Tài nguyên và Môi trường	Kết quả xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất	01 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế sau khi có văn bản xác định giá đất	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/4 ngày
B8	Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận; in Giấy chứng nhận; chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; dự thảo Giấy chứng nhận/ xác nhận nội dung trên Giấy chứng nhận đã cấp; Hợp đồng thuê đất	01 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận	1/4 ngày

B10	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai; Hợp đồng thuê đất	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai; Hợp đồng thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				06 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 16 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
B3	Ký duyệt và gửi tờ trình đến Sở Nông nghiệp và Môi trường xác định giá đất, Hợp đồng thuê đất	Lãnh đạo, viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Tờ trình xác định giá đất, Hợp đồng thuê đất	01 ngày

B4	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký đất đai, xử lý, ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo, công chức Sở Tài nguyên và Môi trường	Kết quả xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất	1/2 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế sau khi có văn bản xác định giá đất	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B8	Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận; in Giấy chứng nhận; chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Dự thảo Giấy chứng nhận/ xác nhận nội dung trên; Giấy chứng nhận đã cấp; Hợp đồng thuê đất	01 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày

B10	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	01 ngày
B11	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai; Hợp đồng thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				16 ngày

8. Thủ tục Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)

8.1. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 12 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	08 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				12 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 22 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	14 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	02 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày

B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				22 ngày

8.2. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	03 ngày

B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	10 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	02 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

8.3. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 06 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	02 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày

B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				06 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 16 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	09 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý:	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	02 ngày

	+Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6			
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				16 ngày

8.4. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 06 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày

B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	02 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				06 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 16 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	09 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyên liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	02 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	02 ngày

	phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La			
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				16 ngày

9. Thủ tục Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp 1.012793

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	03 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày

		vụ hành chính công tỉnh Sơn La		
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	10 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày

B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

10. Thủ tục Đăng ký biến động đối với trường hợp điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết; cấp Giấy chứng nhận cho từng thửa đất theo quy hoạch xây dựng chi tiết cho chủ đầu tư dự án có nhu cầu 1.012794

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	03 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/4 ngày

	+ Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6			
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	08 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày

B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	03 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

11. Thủ tục Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	03 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày

B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	10 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày

B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

12. Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận (Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)

12.1. Trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận	01 ngày

B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	08 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	03 ngày

B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

12.2. Trường hợp quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	03 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày

	vụ tài chính thì chuyển B6			
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	10 ngày

B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	03 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

13. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất (Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 12 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	06 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày

B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				12 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 22 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	12 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	02 ngày

	giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6			
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	03 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				22 ngày

14. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, Chuyển hồ sơ, thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất	03 ngày
B3	Đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng	Đài phát thanh truyền hình, trung tâm truyền thông văn hoá	Kết quả đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B4	Tiếp nhận kết quả đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, xử lý, thụ lý hồ sơ	Viên chức Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra, thụ lý hồ sơ; trích lục/trích đo địa chính (nếu có)	1/2 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B8	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận cấp mới; Quyết định huỷ Giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
B9	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận cấp mới	1/2 ngày
B10	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận cấp mới; Quyết định huỷ Giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				7 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày

B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, Chuyển hồ sơ, thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất	7 ngày
B3	Đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng	Đài phát thanh truyền hình, trung tâm truyền thông văn hoá	Kết quả đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B4	Tiếp nhận kết quả đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng, xử lý, thụ lý hồ sơ	Viên chức Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra, thụ lý hồ sơ; trích lục/trích đo địa chính (nếu có)	03 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B8	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận cấp mới; Quyết định huỷ Giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày

B9	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận cấp mới	02 ngày
B10	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận cấp mới; Quyết định huỷ Giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

15. Thủ tục Đăng ký đất đai đối với trường hợp chuyển nhượng dự án bất động sản 1.012788

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	03 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày

	+ Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6			
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				7 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, văn bản xin ý kiến (nếu có)	09 ngày

B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	03 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

16. Thủ tục Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (Đối với Tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Thông báo cho người được cấp Giấy chứng nhận đến nộp Giấy chứng nhận gốc (Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện sai sót)	Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận đã cấp	02 ngày
B2	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B3	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, Biên bản kết luận về nội dung sai sót, biên tập nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp/in Giấy chứng nhận mới	02 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký duyệt nội dung đính chính vào Giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B4	Chỉnh lý biên động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Thông báo cho người được cấp Giấy chứng nhận đến nộp Giấy chứng nhận gốc (Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện sai sót)	Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận đã cấp	6 ngày
B2	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B3	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, Biên bản kết luận về nội dung sai sót, biên tập nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp/in Giấy chứng nhận mới	6 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký duyệt nội dung đính chính vào Giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B4	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	02 ngày
B5	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

17. Thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (*Đối với tổ chức trong nước, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài*)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 18 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, thông báo thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho người sử dụng đất. Dự thảo Quyết định thu hồi, Giấy chứng nhận cấp lại	12 ngày
B3	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	Ký Quyết định thu hồi; Ký Giấy chứng nhận	01 ngày
B4	Cập nhật, chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại; Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	02 ngày
B5	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				18 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 28 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, thông báo thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho người sử dụng đất. Dự thảo Quyết định thu hồi; Giấy chứng nhận cấp lại	19 ngày
B3	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	Ký Quyết định thu hồi; Ký Giấy chứng nhận	02 ngày
B4	Cập nhật, chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại; Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	04 ngày
B5	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				28 ngày

18. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (Đối với Tổ chức, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện dự án đầu tư)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày

B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	10 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng	01 ngày

	xem xét, ký duyệt	đai	nhận đăng ký biến động đất đai	
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

19. Thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản 1.012787

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt	Ban Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

20. Thủ tục Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai**20.1. Thông tin, dữ liệu đất đai đối với tổ chức****20.1.1 Đối với các thông tin sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai**

- Thời gian giải quyết: 01 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao phiếu yêu cầu về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm scan Phiếu yêu cầu	0,2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	0,1 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	0,2 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Duyệt nội dung dữ liệu đất đai cung cấp, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	0,1 ngày
B3	Nộp phí, giá sản phẩm, dịch vụ cung cấp thông tin đất đai theo thông báo phí	Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí	Nộp phí theo thông báo	0,2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	0,2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				01 ngày

20.1.2 Đối với các thông tin không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Thời gian giải quyết: 03 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao phiếu yêu cầu về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm scan Phiếu yêu cầu	1/2 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	1/2 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Duyệt nội dung dữ liệu đất đai cung cấp, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	1/2 ngày
B3	Nộp phí, giá sản phẩm, dịch vụ cung cấp thông tin đất đai theo thông báo phí	Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí	Nộp phí theo thông báo	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				03 ngày

20.1.3 Đối với các thông tin không có sẵn và cần thời gian tìm kiếm

Thời gian giải quyết: 13 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao phiếu yêu cầu về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm scan Phiếu yêu cầu	01 ngày
B2	Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	8 ngày
		Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai	Duyệt nội dung dữ liệu đất đai cung cấp, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	1/2 ngày
B3	Nộp phí, giá sản phẩm, dịch vụ cung cấp thông tin đất đai theo thông báo phí	Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí	Nộp phí theo thông báo	02 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				13 ngày

20.2. Thông tin, dữ liệu đất đai đối với cá nhân

20.2.1 Đối với các thông tin sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Thời gian giải quyết: 001 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao phiếu yêu cầu về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm scan Phiếu yêu cầu	0,2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	0,1 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	0,2 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Duyệt nội dung dữ liệu đất đai cung cấp, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	0,1 ngày

B3	Nộp phí, giá sản phẩm, dịch vụ cung cấp thông tin đất đai theo thông báo phí	Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí	Nộp phí theo thông báo	0,2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	0,2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				01 ngày

20.2.2 Đối với các thông tin không có sẵn trong cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Thời gian giải quyết: 003 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao phiếu yêu cầu về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm scan Phiếu yêu cầu	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	1/2 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Duyệt nội dung dữ liệu đất đai cung cấp, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	1/2 ngày
B3	Nộp phí, giá sản phẩm, dịch vụ cung cấp thông tin đất đai theo thông báo phí	Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí	Nộp phí theo thông báo	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				03 ngày

20.2.3 Đối với các thông tin không có sẵn và cần thời gian tìm kiếm

Thời gian giải quyết: 13 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao phiếu yêu cầu về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	Kèm scan Phiếu yêu cầu	01 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	8 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Duyệt nội dung dữ liệu đất đai cung cấp, thông báo phí, giá sản phẩm hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	1/2 ngày
B3	Nộp phí, giá sản phẩm, dịch vụ cung cấp thông tin đất đai theo thông báo phí	Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp phí	Nộp phí theo thông báo	02 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN & MT	Dữ liệu đất đai theo yêu cầu hoặc văn bản từ chối cung cấp dữ liệu	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				13 ngày

C. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP HUYỆN: 114 Quy trình

1. Thủ tục Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân 1.012771

1.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng tính theo giá đất trong bảng giá
a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Kiểm duyệt nội dung trình	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B7	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B7	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày

B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

1.2.Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất	02 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	1/4 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày

B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

2. Thủ tục Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là cá nhân 1.012773

2.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng tính theo giá đất trong bảng giá
a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính	01 ngày

			(nếu có)	
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B4	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B5	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

2.2.Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày

B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVSDK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy	02 ngày

			chứng nhận	
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

3.Thủ tục Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là cá nhân 1.012774

3.1.Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng tính theo giá đất trong bảng giá
a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày

B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	01 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký;	01 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày

B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B4	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	02 ngày
B5	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B6	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	01 ngày
B8	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký;	01 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

3.2. Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	02 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng	Giấy chứng nhận	01 ngày

		ký đất đai		
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	02 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

4. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai mà người xin chuyển mục đích sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân

4.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng tính theo giá đất trong bảng giá

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày

B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	01 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	01 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày

		ký đất đai		
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

4.2.Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày

B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	02 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Sổ hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính	01 ngày

			(nếu có)	
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Hoàn thiện hồ sơ chuyển ký Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	Dự thảo Hợp đồng thuê đất (nếu có); Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường	Hợp đồng thuê đất (nếu có)	02 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

5. Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân 1.012776

5.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng tính theo giá đất trong bảng giá

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày

B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày

B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

5.2. Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày

B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

6. Thủ tục Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân

6.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 10 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ	02 ngày

			trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	01 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B7	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				10 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày

B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	7 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.	01 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B7	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

6.2. Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 10 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày

B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	01 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B10	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				10 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	7 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	01 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày

Tổng thời gian giải quyết:**15 ngày**

7. Thủ tục Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa mà người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân 1.012778

7.1. Trường hợp không thay đổi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc có thay đổi tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng tính theo giá đất trong bảng giá

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	06 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày

B7	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	06 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày

		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B7	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết :				25 ngày

7.2. Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	06 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày

B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày

B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	12 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	03 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

8. Giao đất, cho thuê đất từ quỹ đất do tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất quy định tại Điều 180 Luật Đất đai, do công ty nông, lâm trường quản lý, sử dụng quy định tại Điều 181 Luật Đất đai mà người xin giao đất, cho thuê đất là cá nhân 1.012779

8.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hoặc có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nhưng tính theo giá đất trong bảng giá

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày

B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hồ sơ địa chính; Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin thuế	01 ngày
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

8.2. Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày

B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B4	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B5	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định giao đất, cho thuê đất	14 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B4	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất	02 ngày
B5	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B10	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

9. Thủ tục Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại thị trấn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở 1.012780

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 70 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Thành lập Hội đồng xét duyệt và xét duyệt điều kiện	UBND cấp xã	Biên bản xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất; Tờ trình UBND cấp huyện	30 ngày
B3	Giao nhiệm vụ thẩm định	UBND cấp huyện	Văn bản giao nhiệm vụ	02 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng phân công	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Phòng Tài nguyên và Môi trường	Văn bản xin ý kiến điều kiện giao đất; Văn bản thẩm định hồ sơ giao đất	20 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Văn bản thẩm định hồ sơ giao đất	01 ngày
B5	Hoàn thiện hồ sơ	UBND cấp xã	Hồ sơ giao đất hoàn thiện; Tờ trình UBND cấp huyện; Dự thảo Quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện	10 ngày
B6	Ký phê duyệt	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện	6 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện	1/4 ngày

Tổng thời gian giải quyết:**70 ngày**

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025

- Thời gian giải quyết: 80 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Thành lập Hội đồng xét duyệt và xét duyệt điều kiện	UBND cấp xã	Biên bản xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất; Tờ trình UBND cấp huyện	34 ngày
B3	Giao nhiệm vụ thẩm định	UBND cấp huyện	Văn bản giao nhiệm vụ	02 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng phân công	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Phòng Tài nguyên và Môi trường	Văn bản xin ý kiến điều kiện giao đất; Văn bản thẩm định hồ sơ giao đất	24 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Văn bản thẩm định hồ sơ giao đất	01 ngày
B5	Hoàn thiện hồ sơ	UBND cấp xã	Hồ sơ giao đất hoàn thiện; Tờ trình UBND cấp huyện; Dự thảo Quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện	12 ngày
B6	Ký phê duyệt	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện	6 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định giao đất cho cá nhân đủ điều kiện	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				80 ngày

10. Thủ tục Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất 1.012814

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Xác minh thửa đất	Ủy ban nhân dân cấp xã	Tờ trình Phòng Tài nguyên và Môi trường; Hồ sơ niêm yết công khai xác nhận hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất, tình trạng tranh chấp; Hồ sơ theo quy định	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B3	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng phân công	Phân công thụ lý; Đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt hoặc trích đo bản đồ địa chính	1/4 ngày
B4	Thực hiện kiểm tra, ký duyệt hoặc trích đo bản đồ địa chính	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Trích đo bản đồ địa chính	03 ngày
B5	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Văn bản xin ý kiến về nhà ở, công trình xây dựng	1/2 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Văn bản xin ý kiến về nhà ở, công trình xây dựng	1/4 ngày
B6	Liên thông Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			02 ngày
B7	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Thông báo xác nhận kết quả đăng ký; Dự thảo Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Thông báo xác nhận kết quả đăng ký; Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai	01 ngày
B8	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B9	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày

		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Xác minh thửa đất	Ủy ban nhân dân cấp xã	Tờ trình Phòng Tài nguyên và Môi trường; Hồ sơ niêm yết công khai xác nhận hiện trạng, nguồn gốc sử dụng đất, tình trạng tranh chấp; Hồ sơ theo quy định.	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B3	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng phân công	Phân công thụ lý; Đề nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai kiểm tra, ký duyệt hoặc trích đo bản đồ địa chính	1/4 ngày
B4	Thực hiện kiểm tra, ký duyệt hoặc trích đo bản đồ địa chính	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	Trích đo bản đồ địa chính	6 ngày
B5	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Dự thảo Văn bản xin ý kiến về nhà ở, công trình xây dựng	1/2 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Văn bản xin ý kiến về nhà ở, công trình xây	1/4 ngày

			dựng	
B6	Liên thông Cơ quan quản lý xây dựng cấp huyện			04 ngày
B7	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Thông báo xác nhận kết quả đăng ký; Dự thảo Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai	8 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Thông báo xác nhận kết quả đăng ký; Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai	01 ngày
B8	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B9	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B11	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B12	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất (nếu có)	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

11. Thủ tục Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Kết quả kiểm tra hồ sơ; Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Giấy chứng nhận	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Giấy chứng nhận	UBND huyện	Giấy chứng nhận	03 ngày
B6	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian thực hiện : 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa	01 ngày

			chính (nếu có)	
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Kết quả kiểm tra hồ sơ; Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Giấy chứng nhận	18 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt Giấy chứng nhận	UBND huyện	Giấy chứng nhận	04 ngày
B6	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

12. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định; luân chuyển hồ sơ đến UBND cấp xã nơi có đất	1/2 ngày

B3	Thông báo Niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp GCN cho người nhận chuyển quyền	UBND cấp xã nơi có đất	Kết quả niêm yết công khai	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B4	Tiếp nhận kết quả niêm kết công khai, xử lý, thụ lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra, thụ lý hồ sơ sau khi đã niêm yết công khai; trích lục/trích đo địa chính (nếu có)	02 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B8	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; Quyết định huỷ Giấy chứng nhận	1/2 ngày

B9	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định; luân chuyển hồ sơ đến UBND cấp xã nơi có đất	04 ngày

B3	Thông báo Niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp GCN cho người nhận chuyển quyền	UBND cấp xã nơi có đất	Kết quả niêm yết công khai	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B4	Tiếp nhận kết quả niêm kết công khai, xử lý, thụ lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra, thụ lý hồ sơ sau khi đã niêm yết công khai; trích lục/trích đo địa chính (nếu có)	05 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	02 ngày
B8	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; Quyết định huỷ Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ đề Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	01 ngày

Tổng thời gian giải quyết:	17 ngày
-----------------------------------	----------------

13. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Biên bản kết luận nội dung, nguyên nhân sai sót; Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Giấy chứng nhận cấp mới hoặc nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B3	Duyệt nội dung đính chính sai sót	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B4	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B5	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				7 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	01 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Biên bản kết luận nội dung, nguyên nhân sai sót; Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Giấy chứng nhận cấp mới hoặc nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp	11 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Duyệt nội dung đính chính sai sót	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B6	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

14. Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 33 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có);	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Biên bản kết luận nội dung; Dự thảo Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận	12 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Kiểm tra hồ sơ, xác định lại thông tin theo đúng quy định; hoàn thiện hồ sơ; Dự thảo phiếu chuyển thông tin địa chính (nếu có)	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin địa chính (nếu có)	01 ngày
B7	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày

B9	Ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				33 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 43 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Biên bản kết luận nội dung; Dự thảo Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận	15 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Kiểm tra hồ sơ, xác định lại thông tin theo đúng quy định; hoàn thiện hồ sơ; Dự thảo phiếu chuyển thông tin địa chính (nếu có)	16 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Phiếu chuyển thông tin địa chính (nếu có)	01 ngày

B7	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận trình ký	01 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	01 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				43 ngày

15. Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông 1.012816

15.1. Trường hợp thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	04 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	01 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	12 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	02 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày

Tổng thời gian giải quyết:**17 ngày****15.2. Trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận**

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Phân công thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Công chức Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố được phân công thụ lý	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố	Ký kết quả đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính	1/2 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra UBND cấp xã nơi có đất	Công chức Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố được phân công thụ lý	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; kết quả đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính	01 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Kết quả đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính	01 ngày

Tổng thời gian giải quyết:**07 ngày**

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thành phố (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	03 ngày
B2	Phân công thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Công chức Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố được phân công thụ lý	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định; Đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính	05 ngày
		Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố	Ký kết quả đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra UBND cấp xã nơi có đất	Công chức Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố được phân công thụ lý	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; kết quả đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính	04 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Kết quả đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính hoặc trích đo bản đồ địa chính	03 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

16. Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất mà người xin gia hạn sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư

16.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định gia hạn sử dụng đất	06 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định gia hạn sử dụng đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B7	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định gia hạn sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày

Tổng thời gian giải quyết:**15 ngày**

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định gia hạn sử dụng đất	12 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định gia hạn sử dụng đất	03 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B7	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định gia hạn sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày

Tổng thời gian giải quyết:

25 ngày

16.2. Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định gia hạn sử dụng đất	06 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định gia hạn sử dụng đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày

B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định gia hạn sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Tài nguyên và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định gia hạn sử dụng đất	12 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định gia hạn sử dụng đất	03 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo	1/2 ngày

			Giấy chứng nhận	
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định gia hạn sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

17. Thủ tục Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết hạn sử dụng đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày

B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận; Chứng nhận đăng ký đất đai	01 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thành phố, thị xã	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	10 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày

B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, Chứng nhận đăng ký đất đai	02 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

18. Điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư mà người sử dụng đất là cá nhân, cộng đồng dân cư

18.1. Trường hợp không thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày

B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	6 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	02 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất	1/2 ngày
B7	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B8	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa	01 ngày

			chính (nếu có)	
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	12 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	03 ngày
B6	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B7	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B9	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

18.2. Trường hợp tính giá đất cụ thể

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày

B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	06 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	02 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	02 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian
----	--------------------	-----------------------	--------------------	-----------

				thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/4 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng	Phân công thụ lý; Yêu cầu CNVPĐK cung cấp thông tin	1/2 ngày
B3	Cung cấp thông tin	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Thông tin cơ sở dữ liệu; trích lục bản đồ địa chính (nếu có)	01 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hướng dẫn trích đo, trích lục; Kết quả rà soát, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực địa; Dự thảo Tờ trình UBND huyện; Dự thảo Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	12 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt Quyết định	Lãnh đạo UBND huyện	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất	03 ngày
B6	Xác định giá đất cụ thể (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Liên thông thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B8	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Dự thảo Giấy chứng nhận	04 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Hợp đồng thuê đất (nếu có); Duyệt Dự thảo Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Ký duyệt Giấy chứng nhận	Lãnh đạo UBND huyện	Giấy chứng nhận	02 ngày
B10	Cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính.	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai	1/2 ngày
B11	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Quyết định điều chỉnh thời hạn sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất (nếu có); Giấy chứng nhận	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

19. Thủ tục Sử dụng đất kết hợp đa mục đích mà người sử dụng là cá nhân 1.012810**19.1. Trường hợp chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp**

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 11 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng phân công	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Dự thảo văn bản xin ý kiến các phòng, ban	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Văn bản xin ý kiến các phòng, ban	1/2 ngày
B3	Liên thông các phòng, ban			03 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Tờ trình UBND huyện; Dự thảo văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	1,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND huyện	Văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	03 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				11 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 21 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng phân công	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Dự thảo văn bản xin ý kiến các phòng, ban	01 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Văn bản xin ý kiến các phòng, ban	1/2 ngày
B3	Liên thông các phòng, ban			05 ngày
B4	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên thụ lý	Tờ trình UBND huyện; Dự thảo văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	09 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	01 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND huyện	Văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	03 ngày
B6	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Văn bản chấp thuận phương án sử dụng đất kết hợp	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				21 ngày

19.2. Trường hợp gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng phân công	Phân công thụ lý	1/2 ngày

		Chuyên viên thụ lý	Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo văn bản gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp	03 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Ủy ban nhân dân huyện	Văn bản gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp	02 ngày
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Văn bản gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				7 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả một cửa cấp huyện	Tiếp nhận hồ sơ; Sổ theo dõi; Số hóa hồ sơ (scan); Phiếu hẹn trả kết quả	1/2 ngày
B2	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	Lãnh đạo Phòng phân công	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên thụ lý	Dự thảo tờ trình UBND huyện; Dự thảo văn bản gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp	12 ngày
		Lãnh đạo Phòng ký duyệt	Tờ trình UBND huyện	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Ủy ban nhân dân huyện	Văn bản gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp	03 ngày
B4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Văn bản gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

20. Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời hạn giải quyết: 33 ngày (không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật) kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nộp đơn tại UBND cấp huyện	Ban Tiếp công dân cấp huyện	Thông báo thụ lý hoặc Thông báo không thụ lý	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B2	Chủ tịch UBND huyện có văn bản giao phòng Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm tra, xác minh	Ban tiếp Công dân cấp huyện	Văn bản giao nhiệm vụ	02 ngày
B3	Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm tra, xác minh vụ việc	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên phụ trách được phân công thụ lý tổ chức kiểm tra, xác minh	Dự thảo Tờ trình, Quyết định giải quyết tranh chấp	24,05 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định (Tờ trình, dự thảo quyết định)	02 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt và trả kết quả	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành	004 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				33 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời hạn giải quyết: 43 ngày (không tính thời gian các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật) kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp	Ban Tiếp công dân cấp huyện	Thông báo thụ lý hoặc Thông báo không thụ lý	Không tính

	chấp đất đai nộp đơn tại UBND cấp huyện			vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B2	Chủ tịch UBND huyện có văn bản giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm tra, xác minh	Ban tiếp Công dân cấp huyện	Văn bản giao nhiệm vụ	02 ngày
B3	Phòng Nông nghiệp và Môi trường thẩm tra, xác minh vụ việc	Lãnh đạo Phòng Nông nghiệp và Môi trường phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên phụ trách được phân công thụ lý tổ chức kiểm tra, xác minh	Dự thảo Tờ trình, Quyết định giải quyết tranh chấp	34,5 ngày
		Lãnh đạo Phòng	Ý kiến thẩm định (Tờ trình, dự thảo quyết định)	02 ngày
B4	Xem xét, phê duyệt và trả kết quả	Lãnh đạo UBND cấp huyện	Quyết định giải quyết tranh chấp hoặc quyết định công nhận hòa giải thành	04 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				43 ngày

21. Thủ tục Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không theo phương án dồn điền, đổi thửa, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (Đối với đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

Thời gian giải quyết:

- Đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại QSD đất trong dự án KDKC hạ tầng: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
B4	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B5	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B7	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/4 ngày

B7	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
B8	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ đề Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B9	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

- Đối với trường hợp còn lại: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện , thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	04 ngày
B4	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B5	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B7	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/4 ngày
B7	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
B8	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày

B9	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

**** Đối với trường hợp cho thuê, cho thuê lại QSD đất trong dự án KDKC hạ tầng: 15 ngày***

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	11 ngày
B4	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B5	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B7	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày

B7	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B8	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ đề Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

* Đối với trường hợp còn lại: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Phân công thụ lý	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
B3	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	13 ngày
B4	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B5	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B6	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính. + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày

	tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B7			
B7	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B8	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ đề Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

22. Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm (Đối với đối với cá nhân, cộng đồng dân cư)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày

		đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
B3	Ký duyệt và gửi tờ trình đến Phòng Nông nghiệp và Môi trường xác định giá đất, hợp đồng thuê đất	Lãnh đạo, viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Tờ trình xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất	1/4 ngày
B4	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký đất đai, xử lý, ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo, công chức UBND huyện	Kết quả xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất; Ban hành thông báo việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất, luân chuyển hợp đồng đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	02 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế sau khi có văn bản xác định giá đất	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/4 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/4 ngày

B8	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận; in Giấy chứng nhận; chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Dự thảo Giấy chứng nhận/ xác nhận nội dung trên; Giấy chứng nhận đã cấp; Hợp đồng thuê đất	01 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận	1/4 ngày
B10	Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Quyết định; Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	1/4 ngày
B11	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Quyết định; Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện , thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
			Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	08 ngày
B3	Ký duyệt và gửi tờ trình đến Phòng Nông nghiệp và Môi trường xác định giá đất, hợp đồng thuê đất	Lãnh đạo, viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai	Tờ trình xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất	01 ngày
B4	Tiếp nhận hồ sơ từ Văn phòng Đăng ký đất đai, xử lý, ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo, công chức UBND huyện	Kết quả xác định giá đất; Hợp đồng thuê đất; Ban hành thông báo việc hết hiệu lực của hợp đồng thuê đất, luân chuyển hợp đồng đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	03 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế sau khi có văn bản xác định giá đất	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày

	vụ tài chính thì chuyển B8			
B8	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tiếp nhận; in Giấy chứng nhận; chỉnh lý cập nhật hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Cập nhật thông tin đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Dự thảo Giấy chứng nhận/ xác nhận nội dung trên; Giấy chứng nhận đã cấp; Hợp đồng thuê đất	01 ngày
B9	Ký Giấy chứng nhận	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai được phân công	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B10	Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Quyết định; Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	1/2 ngày
B11	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng; thu phí, lệ phí	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Quyết định; Giấy chứng nhận; Hợp đồng thuê đất	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

23. Thủ tục Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (Đối với đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 03 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	1,5 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	1/4 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/4 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				03 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 13 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	02 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	01 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				13 ngày

24. Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên (Đối với đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài)

24.1. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất:

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biên động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	10 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	02 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

24.2. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	03 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

24.3. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	04 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	12 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	01 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

25. Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký (Đối với đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày

B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

-Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký biến động đất đai	03 ngày

B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

26. Thủ tục Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (Đối với đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài)

26.1. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 06 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày

B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				06 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 16 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/02 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	03 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				16 ngày

26.2. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 12 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	07 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày

B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ đề Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				12 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 22 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	15 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	03 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				22 ngày

26.3. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	----------------

				hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày

B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện , thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện , thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	11 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày

	chính thì chuyển B6			
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

26.4. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 06 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày

B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				06 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 16 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	03 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				16 ngày

26.5. Hồ sơ đăng ký biến động đối với trường hợp nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 06 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/4 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/4 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày

B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				06 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 16 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	10 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận; chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				16 ngày

27. Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày

B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày

Tổng thời gian giải quyết:**7 ngày**

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ đề Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	04 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

28. Cấp đổi Giấy chứng nhận (Đối với đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài)

28.1. Trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 05 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	02 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				05 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	08 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận	01 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	03 ngày
B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

28.2. Trường hợp quy định tại các điểm i khoản 1 Điều 38 của Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày

B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày

	chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6			
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ đề Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	03 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

29. Thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất (Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 12 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	8 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày

		đất đai phụ trách được phân công		
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				12 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 22 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	13 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày

B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	04 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				22 ngày

30. Thủ tục Đăng chính Giấy chứng nhận đã cấp (Đối với Cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Thông báo cho người được cấp Giấy chứng nhận đến nộp Giấy chứng nhận gốc (Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện sai sót) 6.2.1	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận đã cấp	02 ngày
B2	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B3	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, Biên bản kết luận về nội dung sai sót, biên tập nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp/in Giấy chứng nhận mới	02 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký duyệt nội dung đính chính vào Giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B4	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B5	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Thông báo cho người được cấp Giấy chứng nhận đến nộp Giấy chứng nhận gốc (Trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện sai sót)	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Giấy chứng nhận đã cấp	6 ngày

B2	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B3	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, Biên bản kết luận về nội dung sai sót, biên tập nội dung đính chính trên Giấy chứng nhận đã cấp/in Giấy chứng nhận mới	6 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký duyệt nội dung đính chính vào Giấy chứng nhận đã cấp	01 ngày
B4	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	02 ngày
B5	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

31. Thủ tục Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (Đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 18 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, thông báo thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho người sử dụng đất. Dự thảo Quyết định thu hồi; Giấy chứng nhận cấp lại	12 ngày
B3	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	Ký Quyết định thu hồi; Ký Giấy chứng nhận	01 ngày
B4	Cập nhật, chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại; Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	02 ngày
B5	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				18 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 28 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày

B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định, thông báo thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp cho người sử dụng đất. Dự thảo Quyết định thu hồi; Giấy chứng nhận cấp lại	19 ngày
B3	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	Ký Quyết định thu hồi; Ký Giấy chứng nhận	02 ngày
B4	Cập nhật, chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng /nhận cấp lại; Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	04 ngày
B5	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận cấp lại	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				28 ngày

32. Thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (Đối với Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam)

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày

		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	03 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện , thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày

B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

33. Thủ tục Xóa ghi nợ tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 01 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	0,2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	0,1 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	0,2 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	0,2 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	0,2 ngày

B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	0,1 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				01 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 11 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng phân công thụ lý	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	7 ngày
		Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ký Giấy chứng nhận hoặc xác nhận vào giấy chứng nhận đã cấp	1/2 ngày
B3	Chỉnh lý biến động, cập nhật hồ sơ địa chính và chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Chứng nhận đăng ký đất đai	02 ngày

B4	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				11 ngày

34. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đúng mục đích đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	09 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định	15 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	05 ngày

B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

35. Thủ tục Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với giấy chứng nhận đã cấp 1.012781

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 07 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định; ký duyệt thông báo bằng văn bản cho bên nhận chuyển quyền và niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp GCN cho người nhận chuyển quyền	02 ngày
B3	Thông báo Niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp GCN cho người nhận chuyển quyền	UBND cấp xã nơi có đất; Đài phát thanh truyền hình, trung tâm truyền thông văn hoá	Kết quả niêm yết công khai; xác nhận nội dung theo Điều 33 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B4	Tiếp nhận kết quả niêm kết công khai, xử lý, thụ lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra, thụ lý hồ sơ sau khi đã niêm yết công khai; trích lục/trích đo địa chính (nếu có)	1/2 ngày

B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	1/2 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B8	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ đề Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	01 ngày
B10	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				07 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
-----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định; ký duyệt thông báo bằng văn bản cho bên nhận chuyển quyền và niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp GCN cho người nhận chuyển quyền	07 ngày
B3	Thông báo Niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi có đất về việc làm thủ tục cấp GCN cho người nhận chuyển quyền	UBND cấp xã nơi có đất; Đài phát thanh truyền hình, trung tâm truyền thông văn hoá	Kết quả niêm yết công khai; xác nhận nội dung theo Điều 33 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP	Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính
B4	Tiếp nhận kết quả niêm kết công khai, xử lý, thụ lý hồ sơ	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra, thụ lý hồ sơ sau khi đã niêm yết công khai; trích lục/trích đo địa chính (nếu có)	03 ngày
B5	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B6	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B7	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B8	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	1/2 ngày
B8	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
B9	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	03 ngày
B10	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				17 ngày

36. Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận

36.1. Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây người sử dụng đất không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai hoặc có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai nhưng không có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định sau khi lấy ý kiến của UBND xã về hiện trạng, tình trạng tranh chấp đất đai	09 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày

B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	02 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định sau khi lấy ý kiến của UBND xã về hiện trạng, tình trạng tranh chấp đất đai	15 ngày
B3	Chuyển liên thông cơ quan thuế	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Phiếu chuyển thông tin	01 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			

B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Xử lý kết quả liên thông	02 ngày
B6	Ký duyệt	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được giao	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý;	Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai; Giấy chứng nhận	04 ngày
B8	Tiếp nhận hồ sơ từ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

36.2. Trường hợp tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận trước đây người sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 137 của Luật Đất đai và có nhu cầu xác định lại diện tích đất ở theo quy định tại khoản 6 Điều 141 của Luật Đất đai

a) Đối với các xã thuộc khu vực I (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 15 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	1/2 ngày

B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	1/2 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định và luân chuyển hồ sơ đến phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện (hồ sơ đủ điều kiện)	07 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thành phố	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định và luân chuyển hồ sơ đến cơ quan Thuế	02 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: + Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính + Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6	Chuyên viên được giao thụ lý Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thành phố	Xử lý kết quả liên thông	01 ngày
B6	Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động chuyển hồ sơ cho Phòng Nông nghiệp và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Lãnh đạo UBND huyện, thành phố, chuyên viên được giao thụ lý UBND huyện, thị xã, thành phố	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	02 ngày

B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				15 ngày

b) Đối với các xã thuộc khu vực II, khu vực III (theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã thuộc khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2025)

- Thời gian giải quyết: 25 ngày

STT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn (Scan hồ sơ)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Hồ sơ bản gốc hoặc kèm scan hồ sơ	01 ngày
B2	Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thụ lý, xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Ý kiến phân công thụ lý	01 ngày
		Viên chức Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định và luân chuyển hồ sơ đến phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện (hồ sơ đủ điều kiện)	12 ngày
B3	Tiếp nhận thông tin xin ý kiến và xử lý hồ sơ, chuyển liên thông cơ quan thuế	Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện, thị xã, thành phố	Kiểm tra hồ sơ đủ điều kiện theo quy định, ý kiến thẩm định và luân chuyển hồ sơ đến cơ quan Thuế	03 ngày
B4	Liên thông cơ quan thuế (Không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)			
B5	Tiếp nhận kết quả từ cơ quan Thuế, xử lý: +Trường hợp người sử dụng đất phải nộp thuế thì tạm dừng thực hiện việc giải quyết TTHC đợi người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính	Chuyên viên được giao thụ lý Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thành phố	Xử lý kết quả liên thông	02 ngày

	+ Trường hợp đã thực hiện nghĩa vụ tài chính hoặc không phát sinh nghĩa vụ tài chính thì chuyển B6			
B6	Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động chuyển hồ sơ cho Phòng TNMT, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai	Lãnh đạo UBND huyện, thành phố, chuyên viên được giao thụ lý UBND huyện/thành phố	Ý kiến phê duyệt; Ký Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	02 ngày
B7	Ghi vào hồ sơ địa chính; cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai và lập hồ sơ để Nhà nước quản lý; Chuyển hồ sơ ra Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố	Viên chức Văn phòng Đăng ký đất đai phụ trách được phân công	Sổ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai	03 ngày
B8	Tiếp nhận, Trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, thị xã, thành phố	Giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động đất đai	01 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				25 ngày

D. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP XÃ (01 QUY TRÌNH)

1. Thủ tục Hòa giải tranh chấp đất đai

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai nộp đơn tại UBND cấp xã	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Thông báo thụ lý hoặc thông báo không thụ lý	03 ngày
B2	UBND cấp xã xem xét phân công cán bộ, công chức thẩm tra, xác minh	Cán bộ, công chức thuộc UBND cấp xã	Ý kiến phân công	01 ngày
B3	Tiến hành thẩm tra, xác minh tìm hiểu nguyên nhân phát sinh tranh chấp, thu thập giấy tờ, tài liệu có liên quan do các bên cung cấp về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất	Cán bộ, công chức thuộc UBND cấp xã	Các văn bản đầu ra, hồ sơ thu thập	04 ngày
B4	Thành lập Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai để thực hiện hòa giải	UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	01 ngày
B5	Tổ chức cuộc họp hòa giải có sự tham gia của các bên tranh chấp, thành viên Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, lập biên bản hòa giải theo quy định	Chủ tịch UBND; Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan	Biên bản hòa giải, văn bản giải quyết tranh chấp	01 ngày

B6	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà các bên tranh chấp có ý kiến bằng văn bản về nội dung khác với nội dung đã thống nhất trong biên bản hòa giải thành thì Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức lại cuộc họp Hội đồng hòa giải để xem xét giải quyết đối với ý kiến bổ sung và phải lập biên bản hòa giải thành hoặc không thành	Chủ tịch UBND; Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan	Biên bản hòa giải, văn bản giải quyết tranh chấp, ý kiến bổ sung	11 ngày
B7	Trường hợp hòa giải không thành thì UBND cấp xã hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp tiếp theo	UBND cấp xã	Biên bản hòa giải	1/2 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết cho người có đơn yêu cầu	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã	Biên bản hòa giải có chữ ký của Chủ tịch HĐHG, các bên tranh chấp có mặt tại buổi hòa giải, các thành viên tham gia hòa giải (có đóng dấu UBND cấp xã); Biên bản hòa giải được gửi cho các bên tranh chấp và lưu tại UBND cấp xã	1/2 ngày
Tổng thời gian giải quyết:				22 ngày